

Bản án số: 16/2018/ DSST

Ngày 04/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Đình Đoài

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Nguyễn Ngọc Chúc

2/ - Ông Ngô rô Be

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật - Cán bộ

Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2018/ TLST- DS ngày 09 tháng 02 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ A

Địa chỉ: số 130 P Đ L, Phường 3, Quận P N, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Minh T** – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đông Á.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn P** – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Kiên Giang, phòng Giao dịch Kinh B. Theo Quyết định ủy quyền số: 1484/QĐ-DAB-PC ngày 31/8/2016 (có mặt).

Bị đơn: Ông Bùi Văn B, sinh năm 1964 (có mặt).

Bà Bùi Thị S, sinh năm 1969 (vắng mặt không lý do).

Cùng địa chỉ: số 274, ấp T H A, xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Ngân Hàng TMCP Đ A – Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn

P trình bày: Nguyên vào ngày 27/10/2014, Ngân hàng TMCP Đ A đã ký hợp đồng tín dụng nguyên tắc số: R3889/12NT ngày 27/10/2014 với vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S, theo hợp đồng vay trung hạn số: R3889/12 ngày 27/10/2014 , các bên có thỏa thuận như sau:

Số tiền vay (vốn gốc): 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Lãi suất: 13,2%/năm.

Thời hạn vay: 36 tháng.

Mục đích vay: sản xuất nông nghiệp

Hình thức bảo đảm nợ vay: thế chấp một quyền sử dụng đất số: A 780157 do UBND huyện Tân Hiệp cấp, diện tích là 15.150 m², tại tờ bản đồ số 9, thửa đất số 486, 532, 699, 144, đứng tên quyền sử dụng đất là ông Bùi Văn B, đất tọa lạc tại ấp T H A, xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình vay từ ngày 27/10/2014 đến ngày 01/12/2016 thì vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S chỉ trả tiền lãi trong hạn số tiền là 86.661.000đ (tám mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn đồng) nhưng từ đó cho đến nay thì vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S không thanh toán tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng TMCP Đ A theo như cam kết trong hợp đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Đ A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S trả nợ cho ngân hàng TMCP Đ A tổng số tiền là 371.510.000đ (ba trăm bảy mươi một triệu năm trăm mười nghìn đồng) – theo bảng tính lãi hồ sơ vay khách hàng ngày 04/6/2018 của ngân hàng TMCP Đ A bút lục số 47, trong đó tiền gốc là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn tính đến ngày hôm nay 04/6/2018 là 59.590.000đ (năm mươi chín triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng), tiền lãi phạt quá hạn tính đến ngày hôm nay 04/6/2018 là 11.920.000đ (mười một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo đúng nội dung hợp đồng vay đã ký, trong quá trình giải quyết cho đến khi vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S trả hết nợ cho ngân hàng TMCP Đ A.

Bị đơn ông Bùi Văn B trình bày: Qua lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P, vợ chồng tôi thừa nhận có vay của Ngân hàng TMCP Đ A số tiền gốc là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) theo hợp đồng vay trung hạn số: R3889/12 ngày 27/10/2014, lãi suất là 13,2%/năm, thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay là sản xuất nông nghiệp. Khi vay tiền thì vợ chồng tôi có thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đ A một quyền sử dụng đất số: A 780157 do UBND huyện Tân Hiệp cấp, diện tích là 15.150 m², tại tờ bản đồ số 9, thửa đất số 486, 532, 699, 144, đứng tên quyền sử dụng đất là tôi Bùi Văn B, đất tọa lạc tại ấp T H A, xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình sử dụng vốn thì vợ chồng tôi có đóng lãi trong hạn cho Ngân hàng TMCP Đ A số tiền là 86.661.000đ (tám mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Do làm ăn thất bại hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên vợ chồng tôi chưa trả nợ cho Ngân hàng được.

Nay tại phiên tòa tôi xin hẹn trong thời hạn là 02 tháng, là vào ngày 04 tháng 8 năm 2018 tôi xin trả hết nợ gốc và lãi tính đến ngày 04/06/2018 cho Ngân hàng TMCP Đ A tổng số tiền là 371.510.000đ (ba trăm bảy mươi một triệu năm trăm mười nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay đã ký với Ngân hàng TMCP Đ A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** bà Bùi Thị S với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay bà S vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định

đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Bùi Thị S, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Bùi Thị S là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa Ngân Hàng TMCP Đ A với vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Điều 471 Bộ luật dân sự quy định:

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[3] Xét yêu cầu của Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S trả nợ cho ngân hàng TMCP Đ A tổng số tiền là 371.510.000đ (ba trăm bảy mươi một triệu năm trăm mười nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận . Bởi vì tại thời điểm vào ngày 27/10/2014 vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S có vay của Ngân Hàng TMCP Đ A số tiền là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 36 tháng đối với hợp đồng cho vay trung hạn số: R3889/12 ngày 27/10/2014, lãi suất vay ban đầu là 13,2%/năm, hàng tháng ngân hàng có điều chỉnh lãi suất cho vay (nếu có) với mức lãi suất điều chỉnh không quá mức lãi suất cho vay tương ứng được quy định tại khung lãi suất do ngân hàng ban hành tại thời điểm điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Quy định lãi suất 06 tháng trả lãi một lần theo vụ thu hoạch lúa nhưng vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S chỉ trả lãi trong hạn từ ngày 27/10/2014 đến ngày 01/12/2016 số tiền là 86.661.000đ (tám mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn đồng) cho ngân hàng TMCP Đ A nhưng từ đó cho đến nay thì vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S vẫn chưa trả thêm tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng TMCP Đ A, mặc dù ngân hàng có đến đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S không thực hiện việc trả nợ.

Nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S trả cho Ngân hàng TMCP Đ A số tiền gốc là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn tính đến ngày hôm nay 04/6/2018 là 59.590.000đ (năm mươi chín triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng), tiền lãi phạt quá hạn tính đến ngày hôm nay 04/6/2018 là 11.920.000đ ((mười một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) – theo bảng tính lãi hồ sơ vay khách hàng bút lục số 47). Tổng cộng tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là 371.510.000đ (ba trăm bảy mươi một triệu năm trăm mười nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo đúng nội dung hợp đồng vay trung hạn số: R3889/12 ngày 27/10/2014 đã ký giữa hai bên, trong quá trình giải quyết cho đến khi vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S trả hết nợ cho ngân hàng TMCP Đ A. LỜI yêu cầu của ông Nguyễn Văn P phù hợp với Điều 471, Điều 476 Bộ luật dân sự được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của bị đơn ông Bùi Văn B xin hẹn trong thời hạn là 02 tháng, là vào ngày 04 tháng 8 năm 2018 ông B sẽ trả hết nợ gốc và lãi tính đến ngày 04/06/2018 cho Ngân hàng TMCP Đ A tổng số tiền là 371.510.000đ (ba trăm bảy mươi một triệu năm trăm mười nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay đã ký với Ngân hàng TMCP Đ A là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì lời yêu cầu của ông B thì ông P không đồng ý yêu cầu này. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có xem xét.

Chính vì vậy bác yêu cầu của bị đơn ông Bùi Văn B.

Về án phí DSST: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ A được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP Đ A không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Đ A số tiền là

8.776.000đ (tám triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007820 ngày 09/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S phải nộp: $371.510.000đ \times 5\% = 18.575.500đ$ (mười tám triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 471, Điều 476 Bộ Luật Dân Sự năm 2005; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ A.

3/ Bác yêu cầu của bị đơn ông Bùi Văn B.

4/ Buộc vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S trả cho Ngân hàng TMCP Đ A tổng cộng số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi phạt quá hạn là 371.510.000đ (ba trăm bảy mươi một triệu năm trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay trung hạn số: R3889/12 ngày 27/10/2014 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Đ A thì lãi suất mà vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Đ A.

5/ Sau khi vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ A thì Ngân hàng TMCP Đ A có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A780157 do UBND huyện Tân Hiệp cấp, diện

tích là 15.850 m², tại tờ bản đồ số số 9, thửa đất số 486, 532, 699, 144, đứng tên quyền sử dụng đất là ông Bùi Văn B, đất tọa lạc tại ấp T H A, xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

6/ Về án phí DSST:

- Buộc vợ chồng ông Bùi Văn B, bà Bùi Thị S nộp 18.575.500đ (mười tám triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Đ A số tiền là 8.776.000đ (tám triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007820 ngày 09/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho Ngân hàng TMCP Đ A và ông Bùi Văn B biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bà Bùi Thị S biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nông Đình Đoài

